

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X
THÀNH PHỐ Y**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 501/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 14/9/2018

V/v: *Tranh chấp Ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X, THÀNH PHỐ Y

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Mỹ Oanh

2. Ông Lưu Bình Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Vũ Vân – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Võ Thùy Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 658/2018/TLST- HNGĐ ng□y 14 tháng 12 năm 2017 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2018/QĐST- HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng P, sinh năm: 1977; địa chỉ: 172A/28A L, Phường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm: 1982; địa chỉ: 172A/28A L, Phường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện nộp ngày 01/12/2017, Bản tự khai ngày 02/01/2018, các Biên bản phiên họp kiểm tra công khai chứng cứ và Biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 22/01/2018 và ngày 28/02/2018, nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng P trình bày:*

Ông P và bà Nguyễn Thị Tuyết M là vợ chồng hợp pháp chung sống từ năm 2012 có đăng ký kết hôn theo Giấy đăng ký kết hôn số 16/2015, Quyền số 01/2015 do Ủy ban nhân dân Phường N, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/01/2015.

Vợ chồng chung sống được 02 con chung là trẻ Nguyễn Thị Ngọc D (nữ), sinh ngày 04/6/2005 và trẻ Nguyễn Hoàng P1 (nam), sinh ngày 03/7/2013.

Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó xảy ra nhiều mâu thuẫn nên đến năm 2010 ông và Mai ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của đương sự số 386/2010/QĐST-HNGĐ ngày 04/8/2010. Năm 2015, Ông P và Bà M đăng ký kết hôn lại nhưng cuộc sống chung không hạnh phúc và vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn và không hàn gắn được. Bà M tự ý bỏ nhà đi từ tháng 02/2015 và Ông P đã nhiều lần tìm kiếm nhưng không có tin tức gì của Bà M.

Tháng 5/2017 ông Nguyễn Hoàng P làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố Bà M mất tích và được Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Bản án số 268/2017/QĐDS-ST ngày 24/X/2017 tuyên bố Bà M mất tích. Nay Ông P xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, cả hai không liên hệ nhau về kinh tế và tình cảm nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với Bà M để cả hai sớm ổn định cuộc sống mới.

Về con chung: Các con chung là trẻ Nguyễn Thị Ngọc D (nữ), sinh ngày 04/6/2005 và trẻ Nguyễn Hoàng P1 (nam), sinh ngày 03/7/2013. Ông P tự nguyện yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu Bà M cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ngày 25/7/2018 ông Nguyễn Hoàng P có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt và yêu cầu Tòa án bảo lưu các ý kiến của ông theo như các Biên bản ông đã trình bày tại các buổi làm việc ở Tòa án.

** Về phía bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M:* Theo kết quả xác minh của Công an Phường M, Quận X, TP. Hồ Chí Minh ngày 20/3/2018: “Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1983, có đăng ký thường trú tại số 172A/28 L, Phường M, Quận X, Thành phố Y. Thực tế Bà M không sinh sống tại địa phương từ đầu năm 2015 đến nay. Bà M chuyển đi đâu không rõ, không có báo chính quyền địa phương”.

Tại thời điểm Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Tuyết M có hộ khẩu thường trú tại Quận X nhưng đã bỏ đi từ tháng 02/2015, Bà M đã được tuyên bố mất tích theo Bản án số 268/2017/QĐDS-ST ngày 24/X/2017 của Tòa án nhân dân Quận X đã tuyên. Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho bị đơn theo đúng quy định đối với trường hợp ly hôn với người bị Tòa án tuyên bố mất tích.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X có ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử như sau : “Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đúng quy định pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào các Biên bản lời khai đã thể hiện, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng* :

* Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Nguyễn Hoàng P và bà Nguyễn Thị Tuyết M chung sống trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Ông P xin ly hôn với Bà M, bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại Quận X nên Tòa án nhân dân Quận X thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định pháp luật tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân năm 2015.

* Về người tham gia tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là Bà M, Bà M vắng mặt. Ngày 25/7/2018 nguyên đơn có Đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về yêu cầu của các đương sự*:

* Về quan hệ hôn nhân:

Hội đồng xét xử nhận thấy vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và Bà M đã mất tích hơn 02 năm nay, Tòa án đã nhiều lần triệu tập Bà M yêu cầu có mặt để hòa giải nhưng Bà M vẫn vắng mặt xem như không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của Ông P và cũng không có thiện chí hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình quy định: “Nếu có căn cứ hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được thì Tòa án giải quyết cho ly hôn” và căn cứ vào Khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình quy định: “Trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn”. Bà M đã được Tòa án tuyên bố mất tích theo Bản án số 268/2017/QĐDS-ST ngày 24/X/2017. Căn cứ vào những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hoàng P được ly hôn với bà Nguyễn Thị Tuyết M.

* Về con chung: Xét 02 con chung là trẻ Nguyễn Thị Ngọc D (nữ), sinh ngày 04/6/2005 và trẻ Nguyễn Hoàng P1 (nam), sinh ngày 03/7/2013 hiện đang được Ông P trực tiếp nuôi dưỡng.

Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý và nêu rõ nội dung Ông P yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu Bà M cấp dưỡng nuôi con. Bà M đã biết được yêu cầu của Ông P nhưng vẫn không có ý kiến xem như không phản đối yêu cầu trên. Để đảm bảo mọi mặt tốt nhất cho các con chung xét thấy cần giao 02 con chung là trẻ Nguyễn Thị Ngọc D (nữ), sinh ngày 04/6/2005 và trẻ Nguyễn Hoàng P1 (nam), sinh ngày 03/7/2013 cho ông Nguyễn Hoàng P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Hoàng P không yêu cầu bà Nguyễn Thị Tuyết M cấp dưỡng nuôi con.

Bà M được quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung, nợ chung : Không có.

[3] *Về án phí:*

-Án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Hoàng P phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 4 Điều 147; Điều 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Khoản 1, Khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ;

Tuyên xử :

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hoàng P.

Ông Nguyễn Hoàng P được ly hôn với bà Nguyễn Thị Tuyết M.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là trẻ Nguyễn Thị Ngọc D (nữ), sinh ngày 04/6/2005 và trẻ Nguyễn Hoàng P1 (nam), sinh ngày 03/7/2013 cho ông Nguyễn Hoàng P trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Hoàng P không yêu cầu bà Nguyễn Thị Tuyết M cấp dưỡng nuôi con.

Bà M được quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Án phí: Ông Nguyễn Hoàng P phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Hoàng P đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số AG/2014/0004729 ngày 13/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông P đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Hoàng P và bà Nguyễn Thị Tuyết M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận X;
- Chi cục THADS Quận X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mỹ Duyên